TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 502 /2025/DS-PT Ngày 04 - 8 - 2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán:Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2025/TLPT-DS ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1023/2025/QĐ-PT ngày 21/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố Xã L, Phường S, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn*: **Đoàn Thị B**, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số B tổ H, khu phố L, thị trấn VL, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (là Số B tổ H, khu phố L, xã GT, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Nguyễn Hoàng L** (Tên gọi khác V), sinh năm 1974; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố Xã L, Phường S, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Thị Bích .*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

* Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Chị H là thảo hụi, nên thường xuyên mở các dây hụi cho các hụi viên tham gia. Vào khoảng năm 2021 và năm 2022, chị H có mở 02 dây hụi và có cho bà Đoàn Thị B tham gia như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Dây hụi tháng 3.000.000 đồng, gồm có 18 phần khui ngày 05/9/2021 âm lịch, tức ngày dương lịch là ngày 10/10/2021, mãn hụi ngày 10/4/2023, bà B tham gia 01 phần và hốt hụi đầu với số tiền hụi sau khi trừ đi các chi phí là 36.750.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong bà B không đóng hụi chết như đã thỏa thuận nên chị H phải choàng hụi cho bà B tổng cộng là 17 phần hụi chết từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/4/2023 với số tiền là 3.000.000 đồng x 17 phần = 51.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Dây hụi tháng 3.000.000 đồng, gồm có 24 phần khui ngày 15/02/2022 âm lịch, tức ngày dương lịch là ngày 17/3/2022, mãn hụi ngày 17/02/2024, bà B tham gia 01 phần và hốt hụi đầu với số tiền hụi sau khi trừ đi các chi phí là 50.900.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong bà B không đóng hụi chết như đã thỏa thuận nên chị H phải choàng hụi cho bà B tổng cộng là 23 phần hụi chết từ ngày 17/4/2022 đến ngày 17/2/2024 với số tiền là 3.000.000 đồng x 23 phần = 69.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà B còn nợ số tiền hụi chết là 120.000.000 đồng, chị H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà B cố tình lãng tránh.

Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Đoàn Thị B có trách nhiệm trả cho chị H số tiền hụi chết 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Đoàn Thị B có trách nhiệm trả cho chị H số tiền lãi chậm trả là 8.217.000 đồng (Tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

+ Lãi chậm trả dây hụi thứ nhất (tạm tính từ ngày 11/4/2023 đến ngày 11/6/2024): 51.000.000 đồng x 0,83% x 14 tháng = 5.926.200 đồng.

+ Lãi chậm trả dây hụi thứ hai (tạm tính từ ngày 18/2/2024 đến ngày 18/6/2024): 69.000.000 đồng x 0,83% x 04 tháng = 2.290.800 đồng.

Tổng cộng là 128.217.000 đồng.

* Bị đơn bà Đoàn Thị B trình bày:

Năm 2019 bà B có vay của chị H số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất là 10%/tháng, do bà B không trả nổi tiền lãi nên chị H đã cộng tiền lãi vào tiền vốn là 50.000.000 đồng. Đến năm 2021, chị H thông báo cho bà B số tiền lãi cộng dồn vốn tổng cộng là 80.000.000 đồng, nhưng bà B trả tiền không nổi nên

chị H có kêu bà B nói có 02 dây hụi 3.000.000 đồng.

Chị H vô cho bà B 01 phần hụi ngày 05/9/2021 gồm có 18 phần, vô hốt hụi đầu, hụi bỏ 750.000 đồng, hụi hốt số tiền là 36.750.000 đồng, nhưng chị H không có giao tiền hốt hụi cho bà B mà yêu cầu bà B bù thêm số tiền 13.250.000 đồng cho đủ số tiền 50.000.000 đồng trả trước số tiền nợ vay nêu trên, bà B buộc lòng phải bù thêm cho đủ 50.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng.

Sau đó 06 tháng, chị H kêu bà B tiếp tục vô đầu hụi ngày 15/2/2022. Bà B có nói là biển thất lắm, đóng không nổi, nhưng chị H không chịu, mà bắt buộc bà B phải tham gia dây hụi này; mới vô là chị H kêu bà B hốt liền để trả tiền cho chị H, hụi bỏ 700.000 đồng, hốt hụi số tiền 50.900.000 đồng nhưng chị H không có giao tiền cho bà B mà chị H nói là trừ vào các khoản nợ nhưng bà B cũng không biết khoản nợ nào.

Cả 02 kỳ hốt hụi chưa được nhận tiền hụi nhưng do chị H yêu cầu nên bà B mới kí nhận.

Dây hụi thứ nhất bà B đóng được 12 phần với số tiền là 36.000.000 đồng, dây hụi thứ hai bà B đóng được 06 phần với số tiền là 18.000.000 đồng. Cả 02 dây hụi bà B đều đóng hụi trực tiếp cho ông L (còn gọi là V) là chồng của chị H trực tiếp đến gặp các hụi viên để gom hụi, không có giấy tờ gì chứng minh, vì xưa giờ chơi hụi không có giấy tờ gì và cũng không nghĩ sự việc lại đến Tòa án nên không có làm giấy tờ gì làm chứng cứ đã đóng hụi.

Năm 2023, bà B có góp tiền được hết 01 năm với số tiền là 30.000.000 đồng. Năm 2024 bà B chỉ góp được 2.000.000 đồng.

Bà B đồng ý trả số tiền hụi còn nợ đối với dây hụi thứ nhất là 05 phần với số tiền là 15.000.000 đồng, đối với dây hụi thứ 2 còn nợ lại 17 phần với số tiền là 51.000.000 đồng, tổng cộng là 66.000.000 đồng. Tiền hụi chết trừ số tiền hốt hụi dây hụi thứ 02 mà bà B chưa được nhận, như vậy bà B còn nợ lại tổng cộng là 15.100.000 đồng.

Bà B chỉ đồng ý trả số tiền 15.100.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì làm ăn thất bại nên xin không trả lãi và không đồng ý trả một lần, xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 15.100.000 đồng.

Bà B thống nhất khoản tiền mà ông L gom được là 32.000.000 đồng là tiền vay của ông L. Do các kỳ hốt hụi trước là do làm ăn được nên đóng hàng tháng, đến khi biển thất nên năm 2023 mới góp hàng tháng cho ông L. Số tiền ông L gom được 32.000.000 đồng thì bà B thống nhất trừ vào khoản vay của ông L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Ông L có gom tiền của bà B mỗi tháng vài triệu đồng với số tiền tổng cộng gom được là 32.000.000 đồng; đây là khoản tiền vay của ông L mà bà B còn nợ tiền vốn là 30.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền lãi. Ông L không có gom khoản tiền nào khác, không có liên quan khoản tiền hụi của chị H.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vự 02 – Đồng Tháp), đã căn cứ vào các Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 138, Điều 139, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H.

Buộc bà Đoàn Thị B có nghĩa vụ trả tiền góp hụi còn nợ là 120.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của mỗi dây hụi đến tháng 6 năm 2024 với số tiền là 8.217.000 đồng, tổng cộng là 128.217.000 đồng. Thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

2/ Về án phí:

Bà Đoàn Thị B thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Mỹ H số tiền 3.205.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013659 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCĐ.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 23/3/2025 bà Đoàn Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà chỉ đồng ý trả cho bà H 15.100.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Đoàn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà Lê Thị Mỹ H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị B, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị B; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà B thừa nhận có tham gia góp 02 dây hụi do chị H làm đầu thảo:

- Dây hụi thứ nhất: Dây hụi tháng 3.000.000 đồng, gồm có 18 phần khui ngày 05/9/2021 âm lịch, tức ngày dương lịch là ngày 10/10/2021, mãn hụi ngày 10/4/2023, bà B tham gia 01 phần và hốt hụi đầu với số tiền hụi sau khi trừ đi các chi phí là 36.750.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong bà B không đóng hụi chết như đã thỏa thuận nên chị H phải choàng hụi cho bà B tổng cộng là 17 phần hụi chết từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/4/2023 với số tiền là 3.000.000 đồng x 17 phần = 51.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Dây hụi tháng 3.000.000 đồng, gồm có 24 phần khui ngày 15/02/2022 âm lịch, tức ngày dương lịch là ngày 17/3/2022, mãn hụi ngày 17/02/2024, bà B tham gia 01 phần và hốt hụi đầu với số tiền hụi sau khi trừ đi các chi phí là 50.900.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong bà B không đóng hụi chết như đã thỏa thuận nên chị H phải choàng hụi cho bà B tổng cộng là 23 phần hụi chết từ ngày 17/4/2022 đến ngày 17/2/2024 với số tiền là 3.000.000 đồng x 23 phần = 69.000.000 đồng.

Số tiền hụi chết phải đóng lại là 120.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên bà B cho rằng không có nhận tiền hụi đã hốt như trên do chị H đã cấn trừ nợ vay trước đó, không có giao tiền cho bà. Ngoài ra bà B cho rằng đã đóng tiền hụi cho anh L và em của anh L nhưng bà không có chứng cứ chứng minh và không được chị H, anh L thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả: Chị H yêu cầu bà B trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm góp hụi trong thời gian từ sau ngày hụi mãn đến tháng 6 năm 2024.

Bà B xin không trả lãi do làm ăn khó khăn nhưng không được chị H đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: trách nhiệm góp phần hụi là của bà B, do bà B chậm góp hụi nên bà B phải trả lãi đối với số tiền hụi chậm góp tương ứng với

thời gian chậm góp; trong vụ án này chị H chỉ yêu cầu tính thời gian chậm góp đến tháng 6 năm 2024 là phù hợp với quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[2.3] Bà B kháng cáo nhưng không có cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo bà B không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 02 – Đồng Tháp).

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 138, Điều 139, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H.

Buộc bà Đoàn Thị B có nghĩa vụ trả tiền góp hụi còn nợ là 120.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của mỗi dây hụi đến tháng 6 năm 2024 với số tiền là 8.217.000 đồng, tổng cộng là 128.217.000 đồng. Thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đoàn Thị B.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Mỹ H số tiền 3.205.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013659 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Tháp).

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình